

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 20-5-2020

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Xuân Trường

+ Bà Pang Ting Suyl

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 390/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2019 về việc: “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX - ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H sinh năm: 2000

Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến K sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh K xây dựng gia đình với nhau năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán , có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân khiến vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu là do anh K nghiện chơi game, không quan tâm đến chị, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Chị H xác định không còn tình

cảm với anh K nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến K. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị H xác định không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến K trình bày: Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau vào tháng 5/2019, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Lâm Hà. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8/2019 cho đến nay. Anh đã 02 lần đến nhà vợ để nói vợ về chung sống nhưng chị H không đồng ý. Anh đã liên lạc với chị H qua điện thoại nhưng chị H chặn số điện thoại, facebook, zalo của anh nên anh không thể liên lạc với chị H để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh K xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh K xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Tuy nhiên, anh K yêu cầu chị H phải trả cho anh các khoản chi phí cho việc đám cưới theo văn bản yêu cầu trả lại tiền ghi ngày 10/3/2020, gồm: Tiền trang điểm là 9.800.000đ; 02 chỉ vàng 9999; 4.050.000đ tiền lễ (được đựng trong 02 phong bì) và 2.000.000đ tiền khám bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh K. Về con chung, tài sản chung và nợ chung đề nghị không xem xét trong vụ án này. Đối với việc anh K yêu cầu chị H phải trả lại cho anh các khoản chi phí cho việc đám cưới gồm: Tiền trang điểm là 9.800.000 đồng; 02 chỉ vàng 9999; 4.050.000 đồng tiền lễ. Chị H thừa nhận có giữ 01 chỉ vàng 9999 và đồng ý trả lại cho anh K 01 chỉ vàng 9999. Do vậy ghi nhận và buộc chị H trả lại cho anh K 01 chỉ vàng 9999. Đề nghị không chấp yêu cầu của anh K đối với Tiền trang điểm là 9.800.000 đồng, 4.050.000 đồng tiền lễ. Đề nghị đình chỉ yêu cầu về số tiền khám chữa bệnh là 2.000.000 đồng của anh K. Về án phí: Đề nghị buộc chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, buộc anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến K xây dựng gia đình với nhau vào năm 2019, trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, xã huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 08/5/2019. Quá trình chung sống vợ chồng hoà

thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay nên chị H là đơn yêu cầu ly hôn và anh K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy, vợ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K không lớn nhưng do vợ chồng tuổi còn trẻ nên cái tôi của mỗi người quá lớn không nhường nhịn nhau. Trong những lúc nóng giận không kiềm chế được các đương sự đã xúc phạm đến lòng tự trọng của nhau khiến cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Do không tìm được biện pháp giải quyết nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Mặc dù thời gian sống ly thân đã lâu nhưng cả hai không tìm được biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, không còn liên lạc và không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết do các đương sự tuổi còn trẻ, suy nghĩ chưa chín chắn, khi xảy ra mâu thuẫn thì các đương sự xử sự không khéo léo nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, hiện các đương sự đã tự sống ly thân. Do vậy, nếu cứ tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị H và anh K được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đối với việc anh K yêu cầu chị H phải trả lại cho anh các khoản chi phí cho việc đám cưới gồm: Tiền trang điểm là 9.800.000 đồng; 02 chỉ vàng 9999; 4.050.000 đồng tiền lễ thì chị H thừa nhận có giữ 01 chỉ vàng 9999 và đồng ý trả lại cho anh K 01 chỉ vàng 9999. Do vậy ghi nhận và buộc chị H trả lại cho anh K 01 chỉ vàng 9999.

[4]. Đối với số tiền trang điểm là 9.800.000 đồng; và 4.050.000 đồng tiền lễ thì chị H không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy chi phí cho việc trang điểm là do hai bên gia đình thỏa thuận khi tổ chức lễ cưới cho con, việc này hoàn toàn phù hợp với truyền thống và phong tục tập quán của người Việt Nam. Đồng thời, số tiền này các đương sự thừa nhận đã dùng vào việc trang điểm, ảnh cưới của hai bên gia đình. Còn số tiền lễ 4.050.000 đồng thì đây là số tiền mà gia đình anh K khi sang tổ chức lễ cưới đã tự nguyện đưa cho nhà chị H. Hơn nữa, theo chị H trình bày thì số tiền này đã chi phí hết cho đám cưới và thực tế lễ cưới đã được hoàn thành nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của anh K.

[5]. Đối với yêu cầu của anh K yêu cầu chị H phải trả cho anh số tiền 2.000.000 đồng tiền khám chữa bệnh thì chị H cũng thừa nhận có việc đi khám bệnh nhưng không đến 2.000.000 đồng. Tại biên bản hoà giải ngày 04/5/2020 thì anh K xác định rút yêu cầu đối với số tiền này, tại phiên tòa hôm nay anh K cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc trả lại anh K 01 chỉ vàng 9999.

Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với yêu cầu không được chấp nhận là $18.710.000\text{đồng} \times 5\% = 935.500\text{đồng}$ (tính theo giá vàng ngày 20/5/2020 là 4.860.000đồng/1 chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến K được ly hôn.

2/ Buộc chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Tiến K 01 chỉ vàng 9999.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tiến K về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả 13.850.000đồng và 01 chỉ vàng loại 9999.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng về việc trả lại anh K 01 chỉ vàng 9999. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007074 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, còn lại chị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tiến K phải chịu 935.500đồng (chín trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ đi số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 508.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007198 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, anh K phải tiếp tục nộp 427.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (20/5/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Pang Ting Suyi

Nguyễn Xuân Trường

Nguyễn Thị Như Quỳnh

